TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 601/2023/HC-PT
Ngày: 10/8/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 262/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HCST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8312/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa:

* *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Bá A, sinh năm 1957, vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Khối A1, phường A2, thị xã A3, tỉnh Nghệ An,

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá A: Ông Nguyễn Bá B, sinh năm 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số B1, B2, phường B3, quận B4, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) và UBND thị xã A3, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu C, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A3, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn D, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thị xã A3, (theo Quyết định ủy quyền số: 623/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 5 năm 2022), có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND phường A2, thị xã A3, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bá E, chức vụ Chủ tịch UBND, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị F, sinh năm 1958, vắng mặt;

Địa chỉ cư trú: Xóm F1, phường A2, thị xã A3, tỉnh Nghệ An.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Bá A là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Vào năm 2013, khi thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A thì UBND thị xã A3 đã tiến hành thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Bá A và bà Bùi Thị F trong phạm vi 13,5m (tính từ chân đường đến phạm vi 13,5m) với tổng diện tích là 62,9m^2 nhưng không ban hành quyết định thu hồi và không bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Bá A.

Không đồng ý với việc thu hồi này, ông Nguyễn Bá A có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã A3; ngày 28/01/2020 Chủ tịch UBND thị xã A3 ban hành Quyết định số 165/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 165) về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá A (lần đầu) và ngày 04/02/2021 ban hành Quyết định số 186/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là quyết định số 186) về việc đính chính thời gian ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại. Theo đó, Chủ tịch UBND thị xã A3 căn cứ vào bản đồ 299 được đo vẽ năm 1982 hoàn thành năm 1986, giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất để xác định phần tiếp giáp đường Quốc lộ 1A của ông Nguyễn Bá A là đất giao thông và thửa đất do Hợp tác xã G quản lý và bác khiếu nại của ông Nguyễn Bá A.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã A3, ông Nguyễn Bá A đã có đơn khở kiện đến Tòa án yêu cầu: Buộc UBND thị xã A3 ban hành quyết định thu hồi đất trong phạm vi 13,5m với diện tích thu hồi là 62,9m^2 và bồi thường diện tích đất bị thu hồi; Hủy Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá A, khối A1, phường A2 (lần đầu) và Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 4 tháng 2 năm 2021 về việc đính chính thời gian ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A3.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện cũng như người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất của ông Nguyễn Bá A căn cứ các tài liệu đều thể hiện thửa đất của ông Nguyễn Bá A được bà Nguyễn Thị H tặng cho từ năm 1981, đất không tranh chấp, không vi phạm quy định, phù hợp với quy hoạch. Tính từ

năm 1981 tới thời điểm thu hồi cuối năm 2013 đã sử dụng ổn định liên tục, không có tranh chấp với bất kỳ ai đã trên 32 năm. Do vậy, căn cứ theo khoản 4 điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì toàn bộ diện tích đất của ông Nguyễn Bá A đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về vị trí và diện tích thực tế của thửa đất của ông Nguyễn Bá A: Theo giấy xác nhận của ông Nguyễn Duy J, nguyên là Chủ nhiệm hợp tác xã G giai đoạn từ năm 1981 tới năm 1985 thì đất của bà Nguyễn Thị H được hợp tác xã G chia cho có phía Tây tiếp giáp đường Quốc Lộ 1A cũ. Năm 1992 ông Nguyễn Bá A có xây dựng 01 căn nhà sát Quốc lộ 1A. Năm 1995 khi thực hiện dự án PMU1 thì ông A được bồi thường tài sản trên đất với số tiền 5.997.350 đồng mà chưa được bồi thường về đất. Theo phiếu chuyển thông tin địa chính do Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký ngày 25/9/2009 thể hiện "Loại đường, khu vực: Bám mặt đường Quốc lộ 1A". Theo thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất do Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện K ban hành ngày 28/9/2009 thể hiện "Loại đường/khu vực: Quốc lộ 1A". Theo bản đồ địa chính năm 1997 thì tiếp giáp đất của hộ ông Nguyễn Bá A là Quốc lộ 1A. Theo trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/ BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 15/08/2011 thì tiếp giáp thửa đất của ông Nguyễn Bá A là đường Quốc lộ 1A. - Theo sổ mục kê đất đai của UBND phường A2 thì thửa đất của ông Nguyễn Bá A có diện tích là: 400m^2 đất. Về diện tích: Theo GCNQSD đất số AN 368658 do UBND huyện K cấp ngày 14/10/2009 thì thửa đất của ông Nguyễn Bá A có diện tích 370m^2. Tuy nhiên, tại Văn bản số 1042/UBND-TNMT do UBND thị xã A3 ban hành thể hiện sau khi thu hồi thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 1A thì thửa đất của ông Nguyễn Bá A còn tới 375,1 m^2 (thu hồi 62,9m^2 trong phạm vi 13,5m không được bồi thường, thu hồi 26m^2 ngoài phạm vi 13,5m đã được bồi thường; sở dĩ có sự chênh lệch diện tích giữa GCNQSD đất và diện tích thực tế sử dụng (theo Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK) là do tại thời điểm cấp GCNQSD đất thì huyện K (nay là thị xã A3) đều tự ý trừ phần đất ở diện tích thuộc phạm vi hành lang an toàn giao thông ra khỏi diện tích được cấp giấy chứng nhận). Thực tế cho tới thời điểm hiện nay thì thị xã A3 vẫn tự ý trừ phần diện tích thuộc hành lang an toàn giao thông ra khỏi diện tích được cấp GCNQSD đất, cụ thể là trường hợp của ông Nguyễn Bá L sau khi bị thu hồi đất làm dự án mở rộng Quốc lộ 1A với tổng diện tích bị thu hồi là: 89,3m^2 thì phần diện tích còn lại phải giáp mép đường Quốc lộ 1A mới, tuy nhiên theo giấy chứng nhận do UBND thị xã A3 cấp ngày 11 tháng 9 năm 2015 thì phần diện tích được cấp cách tim đường Quốc lộ 1A một khoảng 20,5 m (Giấy chứng nhận kèm theo).

Như vậy, sau khi ông Nguyễn Bá A được bà Nguyễn Thị H tặng cho quyền sử dụng đất năm 1981, thì ông Nguyễn Bá A đã quản lý, sử dụng từ đó tới thời điểm bị thu hồi đất năm 2013, vị trí mà ông Nguyễn Bá A sử dụng là giáp Quốc lộ 1A và phải có diện tích 464m^2 mới đúng. Từ khi quản lý, sử dụng đất này, ông Nguyễn Bá A không thấy bất kỳ một con đường nào khác ngoài con đường Quốc lộ 1A.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 04/2010/QĐ - UBND ngày

19/01/2010 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An thì nguyên tắc và điều kiện bồi thường về đất là xác định diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ theo trích đo bản đồ địa chính, trích lục bản đồ địa chính hoặc trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính.

Ngay chính tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 165/QĐ-UBND đã thể hiện rằng, tại thời điểm thu hồi thì diện tích thửa đất ông Nguyễn Bá A đang sử dụng thuộc thửa đất số 20, diện tích 464m^2 (theo Trích lục và đo vẽ bổ sung Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập được Sở tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 15/08/2011). Như vậy, trước thời điểm thu hồi thì UBND thị xã A3 căn cứ vào Bản đồ trích đo thửa đất để làm căn cứ xác định diện tích thửa đất bị thu hồi, chứ không phải căn cứ vào GCNQSD đất. Hơn nữa, bản đồ 299 được phê duyệt bởi Ban quản lý ruộng đất tỉnh Nghệ Tĩnh cũng chính là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An ngày nay; bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Nghệ An lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 15/08/2011.

Như vậy, Bản đồ 299 và Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC. VPĐK đều do cùng một cơ quan lập và phê duyệt nên tính pháp lý là như nhau. Tuy nhiên, Bản đồ 299 được hoàn thành năm 1986, Bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK lập ngày 15/08/2011, do đó phải sử dụng bản đồ địa chính khu đất số 205/2011/BĐĐC.VPĐK để làm căn cứ bồi thường chứ không phải là bản đồ 299. Ngoài bản đồ 299 ra thì qua những lần đo đạc, vẽ bản đồ sau này như: Bản đồ 1997, sổ mục kê 2007 của Ủy ban nhân dân phường A2, bản trích đo 2011 thì không thấy sự xuất hiện con đường giao thông cũng như phần đất của hợp tác xã?

Do đó, diện tích thửa đất của ông Nguyễn Bá A trước thời điểm thu hồi nâng cấp Quốc lộ 1A là 464m^2 và giáp Quốc lộ 1A, nhưng Ủy ban nhân dân thị xã A3 không ban hành quyết định thu hồi, không bồi thường khi thu hồi đất theo quy định là hành vi trái pháp luật, làm ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Bá A, nên ông khởi kiện yêu cầu các nội dung trên.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND thị xã A3 trình bày:

Theo giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã A2 thửa đất ông Nguyễn Bá A sử dụng có nguồn gốc do mẹ vợ ông là bà Nguyễn Thị H được cấp 1979; năm 1981 cắt cho vợ chồng ông A và bà F một phần, ông A và bà F sử dụng ổn định liên tục cho đến nay. Năm 2009 ông A và bà F được UBND huyện K cấp GCNQSD đất với diện tích 370m^2 (200m^2 đất ở, 170m^2 đất trồng cây hàng năm). Diện tích đất được giao cách tim đường Quốc lộ 1A 20,5m, diện tích được phép xây dựng cách tim đường Quốc lộ 1A 27m. Năm 2014 thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A đã bồi thường 26m^2 diện tích ngoài phạm vi 13,5m, diện tích trong phạm vi 13,5 m không được bồi thường là 62,9m^2.

Về hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND phường A2 và báo cáo của Ủy

ban nhân dân phường A2 thể hiện: Theo Bản đồ 299, thửa đất ông Nguyễn Bá A đang sử dụng được phản ánh thuộc 1 phần thửa đất số 131 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.212m^2, loại đất thổ cư, phía ngoài là 1 phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558m^2 đất sân kho Hợp tác xã quản lý, ngoài cùng là 1 phần thửa đất đường giao thông. Theo Bản đồ địa chính năm 1997 thửa đất ông Nguyễn Bá A sử dụng được phản ánh thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 132-75, diện tích 370 m^2, loại đất thổ cư.

Về hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án PMU1 năm 1995 (được Ủy ban nhân dân thị xã A3 sao lục tại Sở Giao thông Vận tải) không có hồ sơ của ông Nguyễn Bá A. Trong danh sách hồ sơ đã được lập gồm 604 hộ của huyện K, trong đó có 175 hộ tại xã A2, được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 2944/QĐUB, ngày 21/11/1995 về việc phê duyệt danh sách và kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng (PAPs) của huyện K và đã được Cục Giám định và QLCLCTGT Bộ Giao thông Vận tải chấp thuận tại Quyết định số 02/GĐ, ngày 29/11/1995 và trong danh sách hồ sơ đã được lập gồm 220 hộ của huyện K, trong đó có 8 hộ tại xã A2 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2944/QĐ.UB, ngày 21/11/1995 phê duyệt danh sách và kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng (PAPs) của huyện K và đã được Cục Giám định và QLCLCTGT Bộ Giao thông Vận Tải chấp thuận tại Quyết định số 803/GĐ, ngày 29/11/1995 không có tên của ông Nguyễn Bá A.

Như vậy, phần đất của ông Nguyễn Bá A (được mẹ là bà Nguyễn Thị H cắt lại cho 1 phần thửa đất) có nguồn gốc đất được Hợp tác xã cấp, phạm vi giao đất không cấp ra đến chân đường, không bao gồm phần đất trong phạm vi 13,5m. Phần đất trong phạm vi 13,5m là đất giao thông và đất do Hợp tác xã G quản lý. Diện tích này không được cấp GCNQSD đất và không được bồi thường. Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân thị xã A3 giữ nguyên nội dung Quyết định số 165 và Quyết định số 186.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường A2 trình bày:

Thống nhất như ý kiến trình bày của đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A3. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; căn cứ các Điều 62, 63, 69, 74, 75, 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 và từ Điều 27 đến Điều 32 của Luật Khiếu nại; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 và Quyết định số: 58/2015/QĐ-UBND, ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá A về yêu cầu: Buộc UBND thị xã A3 ban hành Quyết định thu hồi đất trong phạm vi 13,5m với diện tích bị thu hồi là 62,9m^2 và bồi thường diện tích đất bị thu hồi; hủy Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá A, khối A1, phường A2(lần đầu) và Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc đính chính thời gian ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A3.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/9/2022, người khởi kiện là ông Nguyễn Bá A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Bá A là người kháng cáo vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định.

- Về nội dung: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá A là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 28/01/2020 và Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND thị xã A3, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá A, đồng thời yêu cầu UBND thị xã A3 phải ban hành

quyết định thu hồi diện tích 62,9m^2 và lập phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Bá A. Đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch và UBND thị xã A3, vụ việc thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và người ban hành quyết định hành chính là Chủ tịch UBND cấp huyện, nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 04/02/2021, Chủ tịch UBND thị xã A3 ban hành Quyết định 186, đến ngày 26/4/2021 ông Nguyễn Bá A có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bà F vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Bá A là người kháng cáo vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Theo hồ sơ quản lý đất đai của ông Nguyễn Bá A thể hiện, Thửa đất hộ ông Nguyễn Bá A, bà Bùi Thị F sử dụng có nguồn gốc do mẹ bà F là bà Nguyễn Thị H sử dụng trước năm 1980. Năm 1981 tặng cho vợ chồng ông A một phần, vợ chồng ông A sử dụng ổn định. Ngày 14/10/2009 ông Nguyễn Bá A và bà Bùi Thị F được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số AN 368658 đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 132-75 diện tích 370m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 170m^2 đất trồng cây hàng năm), diện tích được cấp cách tim đường quốc lộ 1A 20,5m. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã A2 và Hội đồng tư vấn đất đai xã A2 thì đất ông A và bà F sử dụng thuộc thửa số 20, diện tích 370m^2. Căn cứ bản đồ 299 được đo vẽ năm 1982, hoàn thành năm 1986 thì thửa đất hộ ông Nguyễn Bá A hiện đang sử dụng được phản ánh thuộc 1 phần thửa đất số 131 tờ bản đồ số 02, diện tích 1.212m^2, loại đất thổ cư, phía ngoài là 1 phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.558 m^2 đất HTX G quản lý, ngoài cùng là 1 phần là đất đường giao thông. Sau khi được cấp đất bà H đã cắt bớt một phần đất cho các con là Bùi Huy Z, Nguyễn Bá A và Bùi Mạnh X. Theo Hồ sơ cấp GCNQSD đất 04 hộ trên đều được giao đất cách chân đường từ 10 đến 15m; 4 hộ dân này và các hộ dân liền kề được xác định thẳng hàng. Như vậy, phần đất của bà Nguyễn Thị H có nguồn gốc đất được Hợp tác xã cấp trước năm 1980 tiếp giáp với thửa đất số 207 do HTX quản lý và ngoài cùng là phần đường giao thông. Việc này phù hợp với bản kiểm kê đất đai ngày 26/9/1994 của ban giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A thể hiện diện tích đất nằm ngoài hành lang giao thông 335m^2, diện tích 65m^2 nằm trong hành lang giao thông không được bồi thường về đất. Theo GCNQSD đất ở và

kinh doanh của UBND xã A2 ngày 15/12/1994 thể hiện, ông Nguyễn Bá A đã được HTX cấp đất ở và cho mượn đất để kinh doanh bám đường Quốc lộ 1A từ ngày 13/9/1986 diện tích 400m^2. Hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án PMU1 năm 1995 (được UBND thị xã sao lục tại Sở Giao thông Vận tải) không có hồ sơ bồi thường về đất của ông Nguyễn Bá A. Trong danh sách hồ sơ được lập đã được phê duyệt kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng (PAPs) của huyện K cũng không có tên của ông Nguyễn Bá A, bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Huy Z và ông Bùi Mạnh X. Năm 1993, khi thực hiện Dự án Nâng cấp, Mở rộng Quốc lộ 1A, do Ban Quản lý PMU1 của Bộ GTVT làm chủ đầu tư, trên toàn tuyến, đơn vị này đã định mốc hành lang an toàn giao thông từ chân đường ra mỗi bên 7m, tương đương từ tim đường ra mỗi bên 13,5 m.

Tại Công văn số 1268/PMU1-QLDA2 của Ban quản lý Dự án 1 - Bộ Giao thông Vận tải ngày 28/7/2010 gửi Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án nâng cấp, mở rộng QL 1A đoạn qua tỉnh Nghệ An đã xác nhận: Diện tích đã xây dựng công trình giao thông thuộc Dự án WB1 đã làm thủ tục thu hồi đất vĩnh viễn đến chân công trình; diện tích từ chân công trình đến cọc GPMB của dự án WB1: Các đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị tính từ mép ngoài rãnh dọc đường ra mỗi bên là 3m, các đoạn tuyến đi qua khu vực nông thôn tính từ chân ta luy nền đường đắp và đỉnh ta luy nền đường đào ra mỗi bên là 7m, các đoạn có đường sắt liền kề đi qua chỉ cắm cọc GPMB về một phía. Trong phạm vi này dự án đã đền bù toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất và cây cối hoa màu. Theo sổ mục kê năm 1997 thửa đất số 130 tờ bản đồ 132-75 đứng tên bà Bùi Thị F có diện tích 400m^2, trong đó 200m^2 đất ở, 60m^2 đất vườn và 140m^2 đất tạm giao lưu không. Theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 130 tờ bản đồ 132-75 có diện tích 200m^2. Nên đủ căn cứ để xác định thửa đất số 130 được bà Nguyễn Thị H cho bà Bùi Thị F và ông Nguyễn Bá A, không có phần đất nằm trong diện tích đang xây dựng công trình giao thông thuộc dự án WB1, không tiếp giáp đường Quốc lộ 1A cũ, phạm vi cấp đất không cấp ra đến chân đường, không nằm trong phạm vi 13,5m là đất hành lang giao thông. Phần nằm trong phạm vi hành lang giao thông 13,5m gia đình ông A chỉ được cho mượn kinh doanh và tạm giao nên chỉ được bồi thường tài sản trên đất, không được bồi thường về đất. Ông Nguyễn Bá A lấy căn cứ là hai tờ bản đồ nói trên được lập sau khi đã giải phóng mặt bằng 13,5m hành lang giao thông theo dự án PMU1, để cho rằng thửa đất bà Nguyễn Thị H được giao từ năm 1979 là giáp mép đường Quốc lộ 1A nằm trong hành lang giao thông để yêu cầu bồi thường phần diện tích 62,9m^2 nằm trong phạm vi 13,5m hành lang giao thông tính từ tim đường, tức là các bản đồ được đo vẽ sau khi đã giải phóng mặt bằng hành lang giao thông phạm vi 13,5m (dự án PMU1) để làm căn cứ nguồn gốc ranh giới đất được cấp trước năm 1980 là không có căn cứ như đã phân tích ở trên. Hơn nữa, theo GCNQSD đất, ông Nguyễn Bá A được giao diện tích 370m^2 đất. Sau khi bị thu hồi thu hồi 62,9m^2 trong phạm vi 13,5m không được bồi thường, hiện trạng đất của ông A đang còn 401,1m^2 đất, được bồi thường 26m^2, còn lại 375,1m^2 là diện tích vẫn lớn hơn diện tích đất được giao 370m^2 theo GCNQSD đất. Do đó, việc UBND thị xã A3 đã không ban hành quyết

định thu hồi đất, cũng như không lập phương án để bồi thường đối với diện tích 62,9m^2 theo yêu cầu của ông A là có căn cứ.

[4] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định 165, thấy: Do không đồng ý với việc thu hồi đất, kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A trên địa bàn tỉnh Nghệ An; ông Nguyễn Bá A đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã A3, sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thị xã A3 đã thụ lý đơn khiếu nại, ngày 27/3/20218 ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại; các cơ quan chuyên môn đã tổ chức xác minh, tiến hành đối thoại với người khiếu nại; trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại thấy rằng việc khiếu nại của ông Nguyễn Bá A không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND thị xã A3 đã ban hành Quyết định số 165 về việc giải quyết khiếu nại của ông A. Theo đó, như đã phân tích ở trên thì việc UBND thị xã A3 không ban hành quyết định thu hồi diện tích 62,9m^2, cũng như không lập phương án để bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất này là có căn cứ, nên Chủ tịch UBND thị xã A3 đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông A. Tuy nhiên, theo Quyết định số 165 thể hiện ngày ban hành là ngày 28/01/2020 là không đúng thời hạn ban hành quyết định, nhưng ngày 04/02/2021, Chủ tịch UBND thị xã A3 đã ban hành Quyết định số 186 để đính chính ngày ban hành quyết định số 165 la ngày 28/01/2021 là đã đảm bảo, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thời gian, các tài liệu về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Bá A.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; ông A kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông A phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông A là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí, ông A đã có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Bá A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HCST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Bá A.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm